TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1227/2026/DS-ST
Ngày: 27-5-2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1470/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 344/2026/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 213/2026/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH M

Địa chỉ: 91 Pasteur, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun Hyoung - Tổng Giám Đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Phước Quỳnh G, sinh năm 2001 – Cán bộ Công ty Luật TNHH MTV Trọn Niềm Tin (có đơn xin vắng mặt).

(Theo Giấy ủy quyền số 22/2025/GUQ-MAFC ngày 17/4/2025 của Công ty tài chính TNHH Một thành viên M (Việt Nam) và Giấy ủy quyền ngày 27/10/2025 của Công ty Luật TNHH MTV Trọn Niềm Tin)

- Bị đơn: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1989

Địa chỉ: 475/22A Cách Mạng Tháng Tám, phường Hoà Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2025 cũng như tại các bản tự khai của nguyên đơn Công ty tài chính TNHH Một thành viên M (Việt Nam) có bà Nguyễn Phước Quỳnh Giao đại diện trình bày:

Ngày 23/9/2024, Công ty tài chính TNHH một thành viên M (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là Công ty Tài chính M) ký Hợp đồng tín dụng số 5864135 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho Ông/Bà Nguyễn Thị L với khoản vay trị giá 53.850.000 đồng (giải ngân ngày 23/09/2024), mức lãi suất: 58%/năm. Sau khi ký kết, Công ty Tài chính M đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho Ông/Bà Nguyễn Thị L. Theo Hợp đồng tín dụng, Ông/Bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng trong kỳ hạn 18 tháng kể từ ngày 15/10/2024 đến ngày 15/03/2026.

Tuy nhiên, sau khi được giải ngân, Ông/Bà Nguyễn Thị L đã thanh toán số tiền 13.669.945 đồng (Trong đó tiền gốc đã thanh toán 6.886.108 đồng; lãi đã trả: 6.747.837 đồng; Phí 36.000 đồng) từ ngày 16/12/2024 Ông/Bà Nguyễn Thị L đã không thanh toán/thanh toán không đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty Tài chính M đã giải ngân.

Công ty Tài chính M đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị Ông/Bà Nguyễn Thị L thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Đồng thời, Công ty Tài chính M cũng đã gửi thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, để thông báo trực tiếp cho Ông/Bà Nguyễn Thị L biết về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, Ông/Bà Nguyễn Thị L vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty Tài chính M.

Căn cứ quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 về Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng thì Ông/Bà Nguyễn Thị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, cụ thể là không thanh toán đúng hạn số tiền theo quy định của Hợp đồng tín dụng ký kết với Công ty Tài chính M.

Tính đến ngày 27/5/2026, Ông/Bà Nguyễn Thị L đã trễ hạn không thanh toán số tiền 98.117.367 đồng gồm các khoản tiền như sau:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 46.963.892 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 19.677.982 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 29.588.087 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán: 1.887.406 đồng.

❖ ***Diễn giải công thức tính lãi:***

- Số tiền lãi trong hạn:

= Tổng số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ

- Số tiền lãi quá hạn:

= 150% x Lãi suất x Số tiền gốc chưa trả mỗi kỳ x Số ngày quá hạn : 365 ngày

- Số tiền lãi chậm trả:

= 10% x Số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ x Số ngày quá hạn : 365 ngày

Cách tính lãi trên được căn cứ tại Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 về Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, và Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Ngoài ra Công ty còn yêu cầu Tòa án buộc Ông/Bà Nguyễn Thị L phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 28/5/2026 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Liên vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị L ký Hợp đồng tín dụng số 5864135 với Công ty Tài chính M. Do bà Liên không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Công ty Tài chính M khởi kiện yêu cầu bà Liên trả tiền vay còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: do bị đơn bà Nguyễn Thị L cư trú tại phường Hòa Hưng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng:

[3.1] Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 0311132506 đăng ký lần đầu ngày 08/09/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 02/04/2024 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp có cơ sở xác định ông Lee Yun Hyoung là đại diện theo pháp luật của Công ty Tài chính M. Xét Giấy ủy quyền số 22/2025/GUQ-MAFC ngày 17/4/2025 của Công ty Tài chính M và Giấy ủy quyền ngày 17/10/2025 của Công ty luật TNHH MTV Trọn

Niềm Tin hợp lệ, nên bà Nguyễn Phước Quỳnh Giao có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

[3.2] Xét bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xét đơn xin xét xử vắng mặt của của bà Giao đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Tài chính M là hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[4] Xét Hợp đồng tín dụng số 5864135 ngày 20/9/2024: Căn cứ Điều 385 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *"Hợp đồng dân sự là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự"*. Căn cứ Điều 3 Nghị định 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ về hoạt động công ty tài chính; Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Tài chính TNHH M số 73/GP-NHNN ngày 12/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Căn cứ Hợp đồng hợp tác cung cấp và sử dụng dịch vụ chữ ký số công cộng FPT-CA số 2020.123/HĐKT/BK6 ngày 06/4/2020. Căn cứ Nghị định 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 quy định chi tiết thi hành luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số. Xét Hợp đồng tín dụng số 4561085 ngày 22/4/2023 được thực hiện theo hình thức hợp đồng điện tử phù hợp với các quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

[5] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[5.1] Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc: Như phân tích tại phần [4] thì hợp đồng làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên thực hiện giao dịch hợp đồng. Căn cứ Phiếu báo nợ số giao dịch FT24267665507101, số tham chiếu 207213859940172.040001 ngày 23/9/2024 của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam có cơ sở xác định Công ty Tài chính M đã giải ngân số tiền vay cho bà Liên theo hợp đồng đã ký. Căn cứ bản sao kê thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, báo cáo lịch sử thanh toán Hợp đồng tín dụng, báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng thể hiện bà Liên không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Tài chính M từ ngày 16/12/2024. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc còn thiếu là có cơ sở xem xét chấp nhận.

[5.2] Xét yêu cầu tính lãi: Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng 2010 quy định: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Căn cứ khoản 4 Điều 13, khoản 5 Điều 14 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng

Nhà nước Việt Nam về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên Công ty Tài chính M là tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng là không trái pháp luật. Mặc khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: "Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng". Căn cứ tại Hợp đồng 4561085 thì lãi suất phát sinh dư nợ là 58%/năm, lãi suất quá hạn theo quy định pháp luật là 150%/năm và số tiền lãi chậm trả là 10%/năm. Xét thấy đến kỳ hạn trả nợ, phía bị đơn không trả được nợ nên nguyên đơn yêu cầu chuyển toàn bộ dư nợ hiện có của hợp đồng sang nợ quá hạn là phù hợp với quy định về chuyển nợ quá hạn của hợp đồng. Từ những cơ sở trên chấp nhận buộc bị đơn bà Liên hoàn trả tổng cộng là: 98.117.367 đồng (tạm tính đến ngày 27/5/2026), gồm: số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là 46.963.892 đồng; số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán *(lãi phát sinh trong hạn)* là 19.677.982 đồng; số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn *(lãi quá hạn)* là 29.588.087 đồng; số tiền lãi chậm trả là 1.887.406 đồng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 463 , Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[1] Buộc bà Nguyễn Thị L thanh toán cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M (Việt Nam) số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 5864136 ngày 23/9/2024 là: 98.117.367 đồng tạm tính đến ngày 27/5/2026 gồm: số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là 46.963.892 đồng; số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán *(lãi phát sinh trong hạn)* là 19.677.982 đồng; số tiền lãi trên dư

nợ gốc bị quá hạn *(lãi quá hạn)* là 29.588.087 đồng; số tiền lãi chậm trả là 1.887.406 đồng.

[2] Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 28/5/2026 cho đến khi bà Liên thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng số: 5864135 ngày 23/9/2024 của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M (Việt Nam).

[3] Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm 4.905.868 đồng, bà Nguyễn Thị L phải chịu.

Trả lại cho Công ty Tài chính M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.783.244 đồng, theo biên lai thu tiền số 0046807 ngày 05/12/2025 của Thi hành án dân sự khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV4-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS KV4-TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA



Trần Thanh Nhàn